

**Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**  
**Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

**5.1. Giới thiệu chung về gói thầu**

- Tên gói thầu: Mua vật liệu chế tạo công cụ hỗ trợ - 05HĐ.
- Nguồn vốn: Kinh phí hợp đồng sản xuất.
- Hình thức và phương thức lựa chọn nhà thầu:
  - + *Hình thức lựa chọn nhà thầu*: Đấu thầu rộng rãi.
  - + *Phương thức lựa chọn nhà thầu*: Một giai đoạn một túi hồ sơ.
- Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu: 60 ngày.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý III/2025.
- Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Tùy chọn mua thêm: Không áp dụng.
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng mua bán hàng hóa nhập khẩu.

**5.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

Yêu cầu chung và kỹ thuật chi tiết đối với hàng hóa được mô tả dưới bảng sau:

<b>1. Yêu cầu chung</b> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hàng hóa phải mới, chưa qua sử dụng</li><li>- Sản xuất năm 2025 trở về sau</li><li>- Bảo hành hàng hóa: tối thiểu 06 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hoá</li></ul>		
<b>2. Yêu cầu kỹ thuật chi tiết (thông số, đặc tính kỹ thuật)</b>		
<i>Stt</i>	<i>Danh mục hàng hóa</i>	<i>Thông số kỹ thuật</i>
1	Vải giáp mềm chống đạn cấp II	<ul style="list-style-type: none"><li>- Chất liệu Polyetylen</li><li>- Khổ rộng: (1,6±0,02)m</li><li>- Độ dày: (0,20÷0,25 )mm</li><li>- Kiểu vải: Sợi đơn hướng</li><li>- Độ bền kéo đứt: ≥4.000N theo TCVN1754-1986</li><li>- Khả năng chống đạn: Kết cấu 48 lớp chống được đạn (7,62x25)mm, đạn thường, lõi thép bắn bằng súng ngắn K54 (không thùng, độ lún: ≤ 25mm). Số viên đạn bắn thử nghiệm là 06 viên/một mẫu, thỏa mãn yêu cầu bắn đúng vào điểm đánh dấu, cách mép ngoài tối thiểu 76mm, khoảng cách giữa các điểm bắn tối thiểu: 51mm. Cự ly bắn: (5±0,25)m.</li><li>- Quy cách đóng gói: dạng cuộn, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.</li></ul>

2	Vải giáp mềm chống đâm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu Polyetylen</li> <li>- Khổ rộng: (1,6±0,02)m</li> <li>- Độ dày: (0,10÷0,2)mm</li> <li>- Kiểu vải: Sợi đơn hướng</li> <li>- Độ bền kéo đứt: ≥2.500 N theo TCVN1754-1986</li> <li>- Có khả năng chống đâm đạt tiêu chuẩn TCVN-AN 072:2016</li> <li>- Quy cách đóng gói: dạng cuộn, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất</li> </ul>
---	------------------------	--

Yêu cầu nhà thầu chào đề xuất về kỹ thuật chung và kỹ thuật chi tiết; cung cấp catalogue về chủng loại, hãng sản xuất của hàng hóa (đính kèm E-HSĐT).

### 5.3. Yêu cầu về tiến độ cung cấp hàng hóa

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Số lượng	Tiến độ cung cấp	Địa điểm giao hàng
1	Vải giáp mềm chống đạn cấp II	m <sup>2</sup>	108.300	Tất cả hàng hoá được bàn giao trong vòng 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Cơ sở nghiên cứu, thử nghiệm và sản xuất vật liệu chuyên dụng (P3) - Cục Công nghiệp an ninh, Khu công nghiệp an ninh, xã Sơn Đồng, TP. Hà Nội
2	Vải giáp mềm chống đâm	m <sup>2</sup>	7.903		

Yêu cầu nhà thầu có bảng chào đề xuất chi tiết về tiến độ cung cấp hàng hóa (đính kèm E-HSĐT).

### 5.4. Các yêu cầu khác

#### Yêu cầu chi tiết về tài chính

Hàng hóa thuộc gói thầu là hàng nhập khẩu phục vụ an ninh quốc phòng, được miễn thuế nhập khẩu và miễn thuế giá trị gia tăng. Do các biểu mẫu dự thầu trong E-HSMT đều dưới dạng webform trên hệ thống (không sửa đổi, thay thế được), nên để phù hợp với tính chất của gói thầu, quy định nhà thầu chào tại mẫu số 12.1A - Chương IV như sau:

Xác định đơn giá dự thầu:

- Giá chào hàng hóa nhập khẩu (I) (mẫu V.2 - Chương V): Chào đơn giá dự thầu hàng hóa nhập khẩu theo giá CIF/CIP bằng USD, quy đổi ra VND theo tỷ giá

bán ra của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam công bố ngày 01/10/2025, đồng tiền VND sẽ là đồng tiền xét thầu và thanh toán, (theo quy định của Incoterms 2010 cùng với các sửa đổi phù hợp nếu cần thiết). Giá chào hàng hóa nhập khẩu không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế VAT (thuế nhập khẩu và thuế VAT sẽ được miễn theo quy định đối với hàng hóa nhập khẩu phục vụ An ninh, Quốc phòng).

- Chi phí thực hiện hợp đồng (II) (Mẫu V.3 - Chương V): Chào đầy đủ các chi phí (chi phí vận chuyển, bảo hiểm và các dịch vụ khác) để thực hiện gói thầu bằng VND. Giá chi phí đã bao gồm thuế VAT.

- Tổng cộng = (I) + (II)

*(Kết chuyển vào cột 12 mẫu số 12.1A)*

Tổng cộng giá dự thầu tại mẫu số 12.1A và giá dự thầu trong đơn dự thầu là giá bao gồm: Giá hàng hóa nhập khẩu không bao gồm thuế nhập khẩu, thuế VAT và Chi phí thực hiện hợp đồng đã bao gồm thuế VAT.

Nhà thầu đính kèm E-HSDT tài liệu chi tiết về tài chính khi tham dự thầu theo mẫu sau:

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU**

<b>Stt</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Giá dự thầu</b>
1	Giá chào cho hàng hóa nhập khẩu (không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế GTGT)	(I)
2	Chi phí thực hiện hợp đồng (đã bao gồm thuế VAT)	(II)
	<b>Tổng cộng giá dự thầu</b> <i>(Kết chuyển vào mẫu 12.1A)</i>	<b>(I)+(II)</b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA NHẬP KHẨU**

Stt	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá dự thầu (CIF/CIP) (USD)	Thành tiền (USD)	Thành tiền (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)=(9)x(11)	(13)=(12)x tỷ giá
1	Vải giáp mềm chống đạn cấp II						m <sup>2</sup>	108.300				I <sub>1</sub>
2	Vải giáp mềm chống đâm						m <sup>2</sup>	7.903				I <sub>2</sub>
<p><b>Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá nhập khẩu chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b>  <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i></p>												<b>I=I<sub>1</sub>+I<sub>2</sub></b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (8), (9) Bên mời thầu ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa quy định tại mục 2 - Chương V - Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật;

Các cột (3), (4), (5), (6), (7): Nhà thầu chào. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Cột (10): Nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

Các cột (11), (12), (13): Nhà thầu chào. Nhà thầu chào đơn giá dự thầu tại cột (11) theo quy định tại 5.4 - Chương V - Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật. Cột (13) giá hàng hóa quy đổi ra VND theo quy định tại 5.4 - Chương V - Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật.

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC CHI PHÍ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG**

1	2	3
STT	Mô tả chi phí	Thành tiền (VND)
<b>I</b>	<b>Vải giáp mềm chống đạn cấp II</b>	<b>II<sub>1</sub></b>
1		
2		
....		
<b>II</b>	<b>Vải giáp mềm chống đâm</b>	<b>II<sub>2</sub></b>
1		
2		
...		
<b>Tổng chi phí thực hiện hợp đồng đã bao gồm thuế VAT</b> <i>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu)</i>		<b>II=II<sub>1</sub>+II<sub>2</sub></b>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

Nhà thầu tách rõ các chi phí liên quan để nhà thầu thực hiện hợp đồng theo quy định tại 5.4 - Chương V - Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật